

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 20 - 3 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoàn

2. Ông Trịnh Văn Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 19xx, địa chỉ : Thôn C, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Bị đơn: Chị Lê Thị C, sinh năm 19xx, Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Là người bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 37/2018/QĐDS-ST ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 01 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Phạm Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Lê Thị C kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T, tỉnh

Thanh Hóa vào ngày 12 /7/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến tháng 4 năm 2016 không hiểu vì lý do gì mà chị Lê Thị C đã bỏ nhà đi khỏi địa phương, không chuyển khẩu, không báo tạm vắng, anh T đã nhiều lần đi tìm kiếm, hỏi han tin tức của chị C nhưng không có kết quả. Tháng 6 năm 2018 anh T có đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân giải quyết tuyên bố chị Lê Thị C mất tích. Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã đăng tin tìm kiếm chị Lê Thị C trên báo Nhân Dân và trên Đài tiếng nói Việt Nam theo quy định, nhưng vẫn không có tin tức gì về chị Cam. Ngày 02/11/2018 tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã giải quyết, tuyên bố chị Lê Thị C mất tích; đến nay vẫn không có tin tức xác thực về chị C, nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Tài được ly hôn với chị C. Về con chung: anh T xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là Cháu Phạm Thị Minh T, sinh ngày 02/5/2008 và cháu Phạm Văn M, sinh ngày 17/9/2010; hiện tại cả 02 con chung đều đang ở với anh T, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung vì chị C đã mất tích. Về tài sản và công nợ: anh T xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Lê Thị C là người đã bị tuyên bố mất tích; Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định.

Tại bản tự khai ngày 29/01/2019 cháu Phạm Thị Minh T và cháu Phạm Văn M đề trình bày nguyện vọng xin được ở với anh Phạm Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn là người đã bị tuyên bố mất tích, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Lê Thị C; Về con chung: giao 02 (hai) con chung là Phạm Thị Minh T và Phạm Văn M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; Về nghĩa vụ cấp dưỡng: không xem xét; Về tài sản và công nợ: không xem xét; Về án phí: anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Phạm Văn T khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với chị Lê Thị C, có hộ khẩu thường trú tại: xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Bị đơn là chị Lê Thị C đã bị Tòa án tuyên bố là người mất tích, Quá trình giải quyết vụ án, không có tin tức xác thực về chị C; Căn cứ vào Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm Văn T và chị Lê Thị C tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/7/2005, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị C là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nhưng từ tháng 4 năm 2016 chị C đã bỏ nhà đi biệt tích, anh T có làm đơn đề nghị và tại Quyết định số 37/2018/QĐDS-ST ngày 02/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã tuyên bố chị Lê Thị C là người mất tích; đến nay vẫn không có tin tức xác thực về chị C đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Nay anh T có đơn yêu cầu giải quyết xin được ly hôn với chị C. Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu của anh T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên chấp nhận xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Lê Thị C.

[3] Về con chung: anh Phạm Văn T và chị Lê Thị C có 02 (hai) con chung là Phạm Thị Minh T, sinh ngày 02/5/2008 và Phạm Văn M, sinh ngày 17/9/2010; hiện tại cả 02 con chung đều đang ở với anh T. Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của anh T thấy rằng: cả 02 con chung đang ở ổn định với anh T và đều có nguyện vọng xin được ở với anh T, trong khi chị Lê Thị C là người mất tích, hiện không biết đang ở đâu, còn sống hay đã chết; vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cả 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh T không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về phần tài sản và công nợ: anh T xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị C là người mất tích, không có lời khai trong hồ sơ. Do đó không xem xét.

[5] Về án phí: anh Phạm Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83

Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn T,

Anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Lê Thị C.

2. *Về con chung*: Anh Phạm Văn T và chị Lê Thị C có 02 (hai) con chung là Phạm Thị Minh T, sinh ngày 02/5/2008 và Phạm Văn M, sinh ngày 17/9/2010.

Giao 02 con chung là Phạm Thị Minh T và Phạm Văn M cho anh Phạm Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: không xem xét.

Chị Lê Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí*: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0001353 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Anh Phạm Văn T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến